

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 222

Số báo danh:

- Câu 81.** Tảo giáp nở hoa gây độc cho cá, tôm sống trong cùng môi trường là ví dụ về quan hệ
A. kí sinh. B. cộng sinh. C. hội sinh. D. ức chế - cảm nhiễm.
- Câu 82.** Một quần thể có thành phần kiểu gen là: 0,04AA : 0,32Aa : 0,64aa. Tần số alen A của quần thể này là bao nhiêu?
A. 0,5. B. 0,2. C. 0,8. D. 0,3.
- Câu 83.** Codon nào sau đây quy định tín hiệu mở đầu quá trình dịch mã?
A. 5'XAA3'. B. 5'GGA3'. C. 5'AUG3'. D. 5'AGX3'.
- Câu 84.** Một loài sinh vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội 2n. Tế bào sinh dưỡng của thể ba thuộc loài này có bộ nhiễm sắc thể là
A. 2n + 1. B. n + 1. C. n - 1. D. 2n - 1.
- Câu 85.** Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật?
A. Tỷ lệ giới tính. B. Loài ưu thế. C. Loài đặc trưng. D. Thành phần loài.
- Câu 86.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố tiến hóa?
A. Chọn lọc tự nhiên. B. Di - nhập gen.
C. Đột biến. D. Giao phối ngẫu nhiên.
- Câu 87.** Cho chuỗi thức ăn: Cây lúa → Sâu ăn lá lúa → Éch đồng → Rắn hổ mang → Đại bàng. Trong chuỗi thức ăn này, đại bàng là sinh vật tiêu thụ bậc mấy?
A. Bậc 2. B. Bậc 3. C. Bậc 1. D. Bậc 4.
- Câu 88.** Người mắc hội chứng bệnh nào sau đây là thể một?
A. Hội chứng Tơcnơ. B. Hội chứng Claiphentơ.
C. Hội chứng Đào. D. Hội chứng AIDS.
- Câu 89.** Dòng vi khuẩn *E. coli* mang gen mã hóa insulin của người được tạo ra nhờ áp dụng kĩ thuật nào sau đây?
A. Gây đột biến. B. Nhân bản vô tính. C. Chuyển gen. D. Cây truyền phối.
- Câu 90.** Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất, thực vật có hạt và bò sát phát sinh ở kỉ nào sau đây?
A. Kỉ Đệ tam. B. Kỉ Đệ tứ.
C. Kỉ Cacbon (Than đá). D. Kỉ Krêta (Phấn trắng).
- Câu 91.** Khi nói về các nhân tố tiến hóa theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây **sai**?
A. Di - nhập gen có thể làm phong phú vốn gen của quần thể.
B. Giao phối không ngẫu nhiên là nhân tố định hướng quá trình tiến hóa.
C. Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể không theo một chiều hướng nhất định.
D. Đột biến cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho quá trình tiến hóa.
- Câu 92.** Theo lí thuyết, quá trình giảm phân bình thường ở cơ thể có kiểu gen AaBbDD tạo ra tối đa bao nhiêu loại giao tử?
A. 4. B. 8. C. 6. D. 2.

Câu 93. Khi nói về diễn thế nguyên sinh, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Diễn thế nguyên sinh khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật.
- B. Trong diễn thế nguyên sinh, thành phần loài của quần xã không thay đổi.
- C. Diễn thế nguyên sinh chỉ chịu tác động của điều kiện ngoại cảnh.
- D. Kết quả của diễn thế nguyên sinh là hình thành quần xã suy thoái.

Câu 94. Khi nói về quá trình dịch mã, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Trên mỗi phân tử mRNA có thể có nhiều ribôxôm cùng tham gia dịch mã.
- B. Anticôdon của mỗi phân tử tARN khớp bổ sung với codon tương ứng trên phân tử mRNA.
- C. Ribôxôm dịch chuyển trên phân tử mRNA theo chiều 3' → 5'.
- D. Axit amin mở đầu chuỗi pôlipeptit ở sinh vật nhân thực là metiônin.

Câu 95. Ở ruồi giấm, alen A quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định mắt trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 1 ruồi cái mắt đỏ : 1 ruồi cái mắt trắng : 1 ruồi đực mắt đỏ : 1 ruồi đực mắt trắng?

- A. $X^A X^a \times X^A Y$.
- B. $X^A X^a \times X^a Y$.
- C. $X^A X^A \times X^a Y$.
- D. $X^a X^a \times X^A Y$.

Câu 96. Phép lai P: ♀ $X^A X^a \times \text{♂ } X^A Y$, thu được F₁. Biết rằng trong quá trình giảm phân hình thành giao tử cái, cặp nhiễm sắc thể giới tính không phân li trong giảm phân I, giảm phân II diễn ra bình thường; Quá trình giảm phân hình thành giao tử đực diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, trong số các cá thể F₁, có thể xuất hiện cá thể có kiểu gen nào sau đây?

- A. $X^A X^a Y$.
- B. $X^A X^A Y$.
- C. $X^A X^A X^a$.
- D. $X^a X^a Y$.

Câu 97. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, các yếu tố ngẫu nhiên và giao phối không ngẫu nhiên có chung đặc điểm nào sau đây?

- A. Quy định chiều hướng tiến hóa.
- B. Chỉ làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- C. Có thể làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể.
- D. Cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho quá trình tiến hóa.

Câu 98. Cho biết không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có nhiều loại kiểu gen nhất?

- A. $\frac{Ab}{ab} \times \frac{aB}{ab}$.
- B. $\frac{Ab}{ab} \times \frac{AB}{aB}$.
- C. $\frac{Ab}{aB} \times \frac{ab}{ab}$.
- D. $\frac{AB}{ab} \times \frac{aB}{ab}$.

Câu 99. Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô → Sâu ăn lá ngô → Nhái → Rắn hổ mang → Diều hâu. Khi nói về chuỗi thức ăn này, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Quan hệ sinh thái giữa tất cả các loài trong chuỗi thức ăn này đều là quan hệ cạnh tranh.
 - II. Quan hệ dinh dưỡng giữa sâu ăn lá ngô và nhái dẫn đến hiện tượng khống chế sinh học.
 - III. Sâu ăn lá ngô, nhái, rắn hổ mang và diều hâu đều là sinh vật tiêu thụ.
 - IV. Sự tăng, giảm số lượng nhái sẽ ảnh hưởng đến sự tăng, giảm số lượng rắn hổ mang.
- A. 2.
 - B. 4.
 - C. 1.
 - D. 3.

Câu 100. Khi nói về lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Trong một lưới thức ăn, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.
- B. Lưới thức ăn thể hiện quan hệ dinh dưỡng giữa các loài sinh vật trong quần xã.
- C. Trong diễn thế nguyên sinh, lưới thức ăn trở nên phức tạp dần.
- D. Quần xã sinh vật càng đa dạng về thành phần loài thì lưới thức ăn càng phức tạp.

- Câu 101.** Khi nói về quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí, phát biểu nào sau đây đúng?
- Hình thành loài khác khu vực địa lí chỉ gặp ở các loài động vật ít di chuyển.
 - Hình thành loài khác khu vực địa lí thường diễn ra một cách chậm chạp qua nhiều giai đoạn trung gian chuyển tiếp.
 - Cách li địa lí là nhân tố trực tiếp tạo ra các alen mới làm phân hóa vốn gen của các quần thể bị chia cắt.
 - Hình thành loài khác khu vực địa lí không chịu sự tác động của chọn lọc tự nhiên.

Câu 102. Khi nói về đột biến lặp đoạn nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây **sai**?

- Đột biến lặp đoạn có thể có hại cho thể đột biến.
- Đột biến lặp đoạn dẫn đến lặp gen, tạo điều kiện cho đột biến gen.
- Đột biến lặp đoạn luôn làm tăng khả năng sinh sản của thể đột biến.
- Đột biến lặp đoạn làm tăng chiều dài của nhiễm sắc thể.

Câu 103. Khi nói về kích thước của quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **sai**?

- Nếu kích thước của quần thể vượt mức tối đa, quần thể tất yếu sẽ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.
- Kích thước tối thiểu là số lượng cá thể ít nhất mà quần thể cần có để duy trì và phát triển.
- Kích thước của quần thể dao động từ giá trị tối thiểu đến giá trị tối đa.
- Kích thước tối đa là giới hạn lớn nhất về số lượng mà quần thể có thể đạt được, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 104. Khi nói về quan hệ giữa các cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây **sai**?

- Cạnh tranh cùng loài có thể là nguyên nhân làm mở rộng ổ sinh thái của loài.
- Cạnh tranh gay gắt dẫn đến những cá thể yếu sẽ bị đào thải khỏi quần thể.
- Cạnh tranh chỉ xảy ra ở động vật mà không xảy ra ở thực vật.
- Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể cùng loài thể hiện qua hiệu quả nhóm.

Câu 105. Giả sử 4 quần thể của một loài thú được kí hiệu là A, B, C, D có diện tích khu phân bố và mật độ cá thể như sau:

Quần thể	A	B	C	D
Diện tích khu phân bố (ha)	200	240	160	185
Mật độ (cá thể/ha)	15	21	18	17

Cho biết diện tích khu phân bố của 4 quần thể đều không thay đổi, không có xuất cư và nhập cư. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- Quần thể A có kích thước nhỏ nhất.
- Kích thước quần thể D lớn hơn kích thước quần thể C.
- Quần thể D có kích thước lớn nhất.
- Kích thước quần thể C lớn hơn kích thước quần thể B.

- A. 3. B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 106. Cho cây thân cao, hoa đỏ (P) tự thụ phấn, thu được F₁ gồm 66% cây thân cao, hoa đỏ; 9% cây thân cao, hoa trắng; 9% cây thân thấp, hoa đỏ; 16% cây thân thấp, hoa trắng. Biết rằng mỗi gen quy định một tính trạng, không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, tần số hoán vị gen là

- A. 40%. B. 30%. C. 18%. D. 20%.

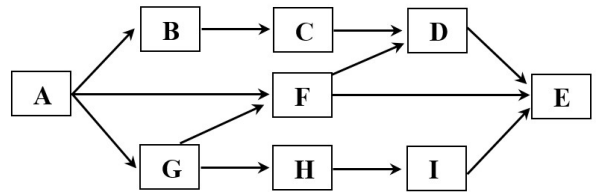
Câu 113. Một quần thể thực vật, alen A quy định hoa đỏ trội không hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng, kiểu gen Aa quy định hoa hồng. Nghiên cứu thành phần kiểu gen của quần thể này qua các thế hệ, người ta thu được kết quả ở bảng sau:

Thế hệ	P	F ₁	F ₂	F ₃
Tần số kiểu gen AA	1/4	4/9	9/16	16/25
Tần số kiểu gen Aa	1/2	4/9	6/16	8/25
Tần số kiểu gen aa	1/4	1/9	1/16	1/25

Cho rằng quần thể này không chịu tác động của nhân tố đột biến, di - nhập gen và các yếu tố ngẫu nhiên. Phân tích bảng số liệu trên, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Cây hoa trắng không có khả năng sinh sản và quần thể này giao phối ngẫu nhiên.
- B. Cây hoa đỏ không có khả năng sinh sản và quần thể này tự thụ phấn nghiêm ngặt.
- C. Cây hoa trắng không có khả năng sinh sản và quần thể này tự thụ phấn nghiêm ngặt.
- D. Cây hoa đỏ không có khả năng sinh sản và quần thể này giao phối ngẫu nhiên.

Câu 114. Giả sử lưới thức ăn sau đây gồm các loài sinh vật được kí hiệu: A, B, C, D, E, F, G, H, I. Cho biết loài A là sinh vật sản xuất và loài E là sinh vật tiêu thụ bậc cao nhất. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- I. Lưới thức ăn này có tối đa 5 chuỗi thức ăn.
- II. Loài D có thể thuộc 2 bậc dinh dưỡng khác nhau.
- III. Loài A và loài E tham gia vào nhiều chuỗi thức ăn nhất.
- IV. Sự thay đổi số lượng cá thể của loài H liên quan trực tiếp đến sự thay đổi số lượng cá thể của loài I và loài G.

- A. 2.
- B. 3.
- C. 1.
- D. 4.

Câu 115. Một quần thể thực vật lưỡng bội, alen A quy định hoa tím trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Thế hệ xuất phát (P) của quần thể này có số cây hoa trắng chiếm 5%. Qua tự thụ phấn, ở thế hệ F₄ có số cây hoa tím chiếm 57,5%. Biết rằng quần thể không chịu tác động của các nhân tố tiến hóa khác. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Trong tổng số cây hoa tím ở P, số cây có kiểu gen đồng hợp tử chiếm tỉ lệ 3/19.
- II. Trong tổng số cây hoa tím ở F₄, số cây có kiểu gen dị hợp tử chiếm tỉ lệ 2/23.
- III. F₃ có số cây hoa trắng bằng 1,5 lần số cây hoa tím.
- IV. Tần số alen a ở F₃ bằng tần số alen a ở F₂.

- A. 4.
- B. 1.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 116. Một loài thực vật, tính trạng màu hoa do hai cặp gen quy định. Cho hai cây đều có hoa hồng giao phối với nhau, thu được F₁ gồm 100% cây hoa đỏ. Cho các cây F₁ tự thụ phấn, thu được F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 56,25% cây hoa đỏ : 37,5% cây hoa hồng : 6,25% cây hoa trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. F₂ có 5 loại kiểu gen quy định kiểu hình hoa hồng.
- II. Trong tổng số cây hoa đỏ ở F₂, số cây không thuần chủng chiếm tỉ lệ 8/9.
- III. Cho tất cả các cây hoa hồng ở F₂ giao phối với tất cả các cây hoa đỏ ở F₂, thu được F₃ có số cây hoa trắng chiếm tỉ lệ 1/27.
- IV. Cho tất cả các cây hoa hồng ở F₂ giao phối với cây hoa trắng, thu được F₃ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 1 cây hoa đỏ : 2 cây hoa hồng : 1 cây hoa trắng.

- A. 4.
- B. 1.
- C. 2.
- D. 3.

